

Bản án số: **23/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 11.6.2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: **Bà Thị Thúy Kiều**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị Cẩm Th (Cẩm Th), sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: Ấp MDA, xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Anh Lê Phước T, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Ấp MDA, xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 07 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn chị Danh Thị Cẩm Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th và anh Lê Phước T chung sống với nhau từ ngày 27/5/2011, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26 tháng 12 năm 2016. Chị Th và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, thời gian kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ngoài ra anh T thường ghen tuông, giận hờn vô cớ làm cho không khí gia đình lúc nào cũng nặng nề. Chị Th đã nhiều lần góp ý nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Chị Th xét thấy không thể hàn gắn tình cảm với anh T, kéo dài cuộc sống hôn nhân chỉ làm khổ cho nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có hai người con chung tên Lê Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012, giới tính nữ và Lê Phước Tình, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2016, giới tính nam. Các con đang sống với anh T. Khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi dưỡng Phước Tình, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Ngọc Trinh giao cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Th tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th cho rằng giữa chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa Bị đơn anh Lê Phước T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị Th chung sống với nhau từ ngày 27/5/2011, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26 tháng 12 năm 2016. Vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến ngày 10 tháng 10 năm 2017 chị Th tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở, để lại hai đứa con còn rất nhỏ cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không muốn các con sống thiếu tình thương của cha, mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị Th có hai người con chung tên Lê Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012, giới tính nữ và Lê Phước Tình, sinh ngày ngày 16 tháng 5 năm 2016, giới tính nam. Các con đang sống

với anh T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T đồng ý tự thỏa thuận tài sản chung với chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T thống nhất xác nhận giữa anh T và chị Th không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:

Chị Th cung cấp gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân; 01 sổ hộ khẩu gia đình; 01 Giấy trích lục kết hôn; 02 Giấy khai sinh; 01 Đơn xin xác nhận nơi cư trú.

Anh T cung cấp gồm: Không.

Tại phiên tòa:

Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung, chị Th đồng ý giao hai người con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung, chị Th tự thỏa thuận với anh T; về nợ chung, không có.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị Th; nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh T tự thỏa thuận với chị Th; về nợ chung, không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Cụ thể chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T; yêu cầu được nuôi dưỡng Phước Tình, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh T chung sống với nhau từ ngày 27 tháng 5 năm 2011, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đến ngày 26 tháng 12 năm 2016 chị Th và anh T đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của chị Th:* Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh T kéo dài từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Vợ chồng không còn chung sống với nhau để xây dựng mái ấm gia đình. Tại phiên hòa giải ngày 19 tháng 3 năm 2018 anh T xin thời gian để hàn gắn tình cảm với chị Th. Tuy nhiên đến nay anh T cũng không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác tại phiên tòa xét xử chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Từ những lý do trên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh T.

[4] *Về con chung*: Theo đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên hòa giải ngày 19 tháng 3 năm 2018 chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng Phước Tình, đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng Ngọc Trinh.

Tuy nhiên tại phiên tòa xét xử chị Th và anh T thống nhất giao Ngọc Trinh và Phước Tình cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu Trinh và cháu Tình đang sống ổn định với anh T, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Tại phiên tòa anh T trình bày anh T làm nghề đi Ghe biển, Thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000 đồng.

Vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao Lê Ngọc Trinh và Lê Phước Tình cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện tại cháu Trinh và cháu Tình đang sống với anh T).

Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T và các thành viên gia đình không được cản trở chị Th thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Th và anh T tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Th và anh T xác nhận trong quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Danh Thị Cẩm Th (Cẩm Th) được ly hôn với anh Lê Phước T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Th và anh T giao cháu Lê Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012, giới tính nữ và cháu Lê Phước Tình, sinh ngày ngày 16 tháng 5 năm 2016, giới tính nam cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Trinh và cháu Tình đang sống với anh T).

Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T và các thành viên gia đình không được cản trở chị Th thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Th và anh T xác nhận trong quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Danh Thị Cẩm Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai Th số 0006827, ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện UMT;
- Chi cục THADS huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Văn Chính